

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **225/2020/HS-PT**

Ngày: 17 - 09 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 215/2020/TLPT-HS ngày 23-6-2020 đối với bị cáo **Bùi Anh Q** về tội “Cướp tài sản” “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 18-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Anh Q. Sinh năm 1997, tại huyện M, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: huyện M, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1966 và bà Lý Thị T, sinh năm 1975; hiện chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; ngày 05/09/2019 bị bắt giữ sau đó tạm giam cho đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Huỳnh Văn K là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người bị hại:** Công ty Cổ phần vận tải dịch vụ P. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn T, sinh năm 1961, theo giấy ủy quyền số 01/2019/GUQ-PH, ngày 07/9/2019. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đồng Thị Thanh T, sinh năm 1970

Trú tại: tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Ông Bùi Văn N, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Trú tại: huyện M, tỉnh Gia Lai.

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Trú tại: huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23h30' ngày 04/09/2019, sau khi chơi tại quán bar S ở 08 H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Bùi Anh Q và Nguyễn Hữu T ra thuê taxi hãng T do anh Nguyễn Đình K là lái xe để chở về nhà của Bùi Anh Q tại huyện M, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 01h ngày 05/05/2019, khi đến nhà Q, anh K dừng xe trước cổng nhà thì Q xuống xe đi vào nhà, còn T ngồi trong xe hỏi anh K giá cước bao nhiêu? Anh K chỉ vào đồng hồ nói: 670.000 đồng. T lấy tiền trả cho anh K 420.000 đồng, còn thiếu lại 250.000 đồng. Sau khi trả tiền, T mở cửa xe, đi đến cửa trước phía bên tài, dùng tay định rút chìa khóa xe thì anh K giữ lại. T đe dọa anh K: “*Ông có biết tôi đã cướp bao nhiêu chiếc xe taxi rồi không? Ông không thoát được đâu*”. Anh K đã trấn tĩnh, châm thuốc lá và mời thuốc lá để T hút. T lấy thuốc hút rồi vòng ra phía sau mở cửa bên phụ vào trong ghế ngồi hút thuốc. Khoảng 20 phút sau, Bùi Anh Q đi từ trong nhà mang khẩu AK ra, lên đạn rồi đi đến hướng cửa xe bên tài, khi cách xe khoảng 1,5m thì Q chĩa nòng súng vào người anh K, nói: “*Ông ra phía sau ngồi*”. Nghe thấy vậy anh K nói: “*Đừng em, đừng em*” đồng thời mở cửa xe bỏ chạy về hướng thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thấy anh K bỏ chạy, T xuống xe chạy bộ đuổi theo khoảng 100m thì không thấy anh K đâu, nên quay lại nói với Q lấy xe taxi bỏ trốn. T điều khiển xe taxi chở quốc theo Q lộ 19 hướng từ thành phố P đi Q. Khi đến lữ đoàn pháo binh B40 (thuộc Quan đoàn 3, Bộ Q Phòng) huyện M, tỉnh Gia Lai thì rẽ phải và chạy xe theo hướng trại bò sữa H, rồi quay lại làng Đ, xã Đ, huyện M để ra Q lộ 19. Khi Nguyễn Hữu T điều khiển xe đi đến giữa làng Đ thì xe rơi xuống rãnh thoát nước bên đường, làm xe bị nổ lốp và hư hỏng, không đi được. Bùi Anh Q và Nguyễn Hữu T xuống xe, lấy súng để đi cất giấu thì súng bị cướp cò, nổ 02 phát. Sau đó, Q và T mang súng giấu vào hàng rào bên đường cách xe khoảng 150 mét rồi quay lại nơi xe taxi bị hư hỏng. Sau khi nhận tin báo vụ việc, Công an huyện M, tỉnh Gia Lai đã triển khai lực lượng truy bắt. Đến 02h45' ngày 05/09/2019 thì phát hiện, bắt quả tang Bùi Anh Q và Nguyễn Hữu T cùng tang vật.

Qua điều tra, Q khai vào khoảng tháng 4/2019 trong khi đi tìm phong lan ở trong rừng thuộc huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum Bùi Anh Q đã mua lại khẩu súng tiểu liên AK bang gấp và 12 viên đạn của đối tượng tên L (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 1.500.000 đồng. Bùi Anh Q đã sử dụng 06 viên đạn để bắn. Sau đó, Q đem súng, đạn về nhà Nguyễn Hữu T rủ T ra khu vực đồi thông sau nhà T tập bắn. Nguyễn Hữu T đã bắn một viên. Sau đó Bùi Anh Q đem súng cùng với 05 viên đạn đem về cất giấu tại vườn nhà.

Qua giám định, Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận khẩu súng gửi giám định là tiểu liên AK còn sử dụng bắn được thuốc vũ khí quân dụng, vỏ đạn, đầu đạn thuộc vũ khí quân dụng, 03 viên đạn là vũ khí quân dụng.

Tại cáo trạng số 26/CT-VKS-P3 ngày 27/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Bùi Anh Q, Nguyễn Hữu T về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 và tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Anh Q phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Anh Q 13 (mười ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Anh Q 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Bùi Anh Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội 15 (mười lăm) năm tù

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/5/2020 bị cáo Bùi Anh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/5/2020, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 128.337.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo rút yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Anh Q và bà Đồng Thị Thanh T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối kháng cáo xin giảm nhẹ bị cáo.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 128.337.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Q Anh tự nguyện rút đơn kháng cáo nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 BLTTHS đình chỉ xét xử xét xử đối với phần kháng cáo của bị cáo, án sơ thẩm có hiệu lực.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T về yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 128.337.000 đồng bao gồm: Tiền cước xe taxi 854.000 đồng; Tiền ăn sáng 500.000 đồng; Chi phí mời hội đồng định giá, thu hồi tài sản (gồm tiền ăn và tiền công của Hội đồng) là 7.114.000 đồng; Lương của 02 người lái xe trong khoảng thời gian xe dừng hoạt động là 16.400.000 đồng; Chi phí tiền thuế, tiền gốc và lãi hàng tháng đóng cho công ty P trong khoảng thời gian xe dừng hoạt động là 20.500.000 đồng; Chi phí dọn nội thất xe 850.000 đồng; Chi phí công sửa chữa thay thế phụ tùng tại công ty TNHH TOYOTA là 63.229.000 đồng; Chi phí công sửa chữa thay thế phụ tùng tại công ty CP VTDV P là 18.890.000 đồng. HĐXX xét thấy:

+ Thực tế tiền xe taxi được anh Nguyễn Đình K xác nhận là 670.000 đồng, các bị cáo đã trả đủ cho anh Nguyễn Đình K. Đây không phải là trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với bà T nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà T về khoản chi phí này.

+ Đối với số tiền ăn sáng 500.000 đồng; Chi phí mời hội đồng định giá, thu hồi tài sản (gồm tiền ăn và tiền công của Hội đồng) là 7.114.000 đồng. Đây là khoản chi phí bà T tự bỏ ra, không có chứng cứ kèm theo không có quy định của BLDS buộc các bị cáo phải chịu các khoản chi phí này nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà T về khoản chi phí này.

+ Đối với khoản tiền lương của 02 người lái xe trong khoảng thời gian xe dừng hoạt động là 16.400.000 đồng. Bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế có xảy ra nên không được HĐXX chấp nhận.

+ Đối với chi phí tiền thuế, tiền gốc và lãi hàng tháng đóng cho công ty P trong khoảng thời gian xe dừng hoạt động là 20.500.000 đồng phía công ty P xác nhận trước khi xảy ra vụ án thời gian dài bà T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với công ty nên sau đó công ty đã thu hồi lại xe. Tại phiên tòa bà T cũng không có chứng cứ gì chứng minh thu nhập bị mất hoặc thiệt hại thực tế bị mất. Do đó, yêu cầu này của bà T không có căn cứ.

+ Đối với các khoản chi phí còn lại: HĐXX xét thấy đây là khoản tiền chủ sở hữu tài sản tự nâng cấp xe chứ không phải thiệt hại do các bị cáo gây ra. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 128.337.000 đồng.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bà Đồng Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử đối với kháng cáo bị cáo Bùi Anh Q.

Không chấp nhận kháng cáo bà Đồng Thị Thanh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Q Anh không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đồng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn